

**TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC
QUÂN KHU 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày 21-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Nguyễn Thế Vinh.

Các Hội thẩm quân nhân:

1// Đào Quốc Trọng;

1// Nguyễn Quốc Trị.

- Thư ký phiên tòa: 2/ Phạm Minh Thắng, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22 tham gia phiên tòa:
4/ Nguyễn Hữu Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại Phòng Xử án Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn H; sinh ngày 15/7/1992 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn B và bà Vũ Thị T; chưa có vợ, con; 01 tiền án: Ngày 27/6/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 01 tiền sự: Ngày 27/8/2021 bị Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; bị tạm giam từ ngày 27/8/2021 đến nay tại Trại Tạm giam Quân khu 2; có mặt.

2. Hoàng Văn H1; sinh ngày 09/12/1995 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị H; vợ là Hoàng Thị S, có 02 con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019) tiền án: Không; 01 tiền sự: Ngày 27/8/2021 bị Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; bị tạm giam từ ngày 27/8/2021 đến nay tại Trại Tạm giam Quân khu 2; có mặt.

- Bị hại:

1. Tổng Công ty Cổ phần V - Tập đoàn Q; địa chỉ: Số 6, Phạm Văn B, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Đại diện: Ông Ngô Quốc T; chức vụ, đơn vị: Phó Giám đốc kỹ thuật, Chi nhánh Kỹ thuật Y, được Tổng Giám đốc ủy quyền; có mặt.

2. Tổng Công ty M; địa chỉ: Số 1, Phạm Văn B, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Đại diện: Ông Lương Hồng H; chức vụ, đơn vị: Tổ trưởng Tổ viễn thông, Đài viễn thông P - Trung tâm mạng lưới MB - Tổng Công ty M, được Giám đốc Trung tâm mạng lưới MB ủy quyền lại (được sự đồng ý của Tổng giám đốc Tổng công ty M); vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; có mặt.

- Những người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Mạnh T; có mặt.
2. Ông Hàng Seo L; vắng mặt.
3. Anh Trần Đại N; vắng mặt.
4. Anh Nguyễn Thiên T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 22/8/2021, công an xã N, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái nhận được tin báo trạm thu phát sóng (BTS) của Tổng Công ty Cổ phần Công trình V đặt tại xã N có người xâm nhập trái phép, trộm cắp tài sản, đã phối hợp cùng công an xã Đ tiến hành tuần tra phát hiện 02 nam thanh niên đi xe mô tô Honda Wave RSX màu trắng bỏ chạy, vứt lại 01 bao tải bên trong có lõi dây cáp điện bằng đồng. Cơ quan Công an huyện Văn Yên tiến hành các biện pháp điều tra xác định các đối tượng nghi vẫn là Hoàng Văn H và Hoàng Văn H1. H khai nhận trong khoảng thời gian từ ngày 12/7/2021 đến ngày 22/8/2021, đã 04 lần trộm cắp tài sản tại các trạm BTS trên địa bàn huyện V, trong đó 02 lần thực hiện cùng với H1.

Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 12/7/2021, H1 đi xe mô tô BKS 21E1-456.70 của mình đến nhà H chơi, H rủ H1 đi cắt trộm dây cáp của trạm BTS, H1 đồng ý và điều khiển xe mô tô của mình chở H mang theo kìm cộng lực đến trạm BTS YBI 0477 tại thôn T, xã Y, huyện V. H dùng kìm cộng lực cắt khóa cửa trạm và cắt các dây tiếp địa trong trạm, sau đó trèo lên cột cắt dây từ đỉnh cột xuống đất, H1 đứng cạnh giới và cuộn các đoạn dây cắt được cho vào bao tải. Khi ra về, phát hiện có người đến nên H, H1 bỏ chạy, vứt các dây tiếp địa trên đường tẩu thoát. Tài sản bị cắt trộm gồm: 06 bộ đầu dây đất cho vỏ feeder 7/8'', 87m dây tiếp địa M25, 07m dây tiếp địa M35, 15m dây tiếp địa M16 (số tang vật này cơ quan điều tra không thu được).

Lần thứ hai: Khoảng 11 giờ ngày 14/7/2021, H đến nhà chú ruột là ông Hoàng Văn V, trú tại thôn L, xã A, huyện V mượn xe mô tô BKS 21E1- 415.91 của ông V với lý do là đi mua đồ ăn. H điều khiển xe mô tô mang theo kìm cộng lực đến trạm BTS tại thôn L, xã Đ, huyện V; trèo lên cột phát sóng cắt 05m dây tiếp địa M70; phá khóa nhà trạm, vào trong cắt 10m dây tiếp địa M50, 15m dây tiếp địa M35, 10m dây tiếp địa M25 rồi cuộn lại cho vào bao tải mang về gần nhà dùng dao gọt hoa quả tách vỏ nhựa, lấy lõi đồng mang bán cho anh Nguyễn Thiên T, trú tại thôn K, xã A, huyện V làm nghề thu mua phế liệu được 960.000 đồng. Số tiền này, H đã tiêu sài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết.

Lần thứ ba: Khoảng 12 giờ ngày 20/7/2021, H đi bộ một mình, mang theo kìm cộng lực đến trạm BTS YBI 0516 đặt tại xã A, huyện V. H trèo lên cột cắt 120m dây tiếp địa M16, phá khóa cửa trạm, cắt 06 bộ đầu dây đất cho vỏ feeder 7/8'', 44m dây tiếp địa M25, 07m dây tiếp địa M35 rồi cuộn lại cho vào bao tải mang về gần nhà dùng dao gọt hoa quả gọt, đốt vỏ nhựa lấy lõi đồng bán cho anh Nguyễn Thiên T được 1.200.000 đồng. Số tiền này, H đã tiêu sài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết.

Lần thứ tư: Khoảng 19 giờ ngày 22/8/2021, H1 điều khiển xe mô tô BKS 21E1-456.70 đến nhà H chơi, rồi cùng thống nhất đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. H1 điều khiển xe mô tô chở H mang theo kìm cộng lực, dao gọt hoa quả đến trạm BTS YBI 0328 đặt phía sau UBND xã N. H trèo lên cột phát sóng cắt 20m dây tiếp địa M25 vứt xuống đất, H1 đứng dưới cảnh giới và cuộn dây lại. Sau đó H phá khóa trạm, cắt 07m dây tiếp địa M35, 10m dây tiếp địa M16 trong trạm cho vào bao tải màu vàng cam mang xuống chỗ để xe ở chân đồi. H1 điều khiển xe mô tô chở H đến khu vực xã N, sử dụng con dao gọt hoa quả đã chuẩn bị từ trước thay nhau gọt vỏ nhựa cho vào bao tải và để ở giá để hàng phía trước xe mô tô đi về hướng xã A. Khi đến khu vực chợ xã Đ thì bị lực lượng công an truy đuổi, H1 và H hoảng sợ vứt bỏ bao tải có đựng tang vật, dao, kìm cộng lực xuống dọc đường và chạy về nhà.

Hậu quả H đã 04 lần thực hiện trộm cắp tài sản của 04 trạm BTS (trong đó có 02 lần thực hiện cùng với H1) với tổng số tài sản là: 12 bộ đầu dây đất cho vỏ feeder 7/8'', 161m dây tiếp địa M25, 145m dây tiếp địa M16, 36m dây tiếp địa M35, 05m dây tiếp địa M70, 10m dây tiếp địa M50.

Tại các Biên bản khám nghiệm hiện trường là các trạm BTS do Công an huyện Văn Yên lập ngày 26/8/2021 thể hiện:

Tại trạm BTS thuộc thôn T, xã Y (bị trộm cắp ngày 12/7/2021): Vị trí số (1) là nơi H cắt dây nguồn của các thiết bị. Vị trí số (2) giáp tường hướng nam và hướng đông là vị trí H cắt dây tiếp đất nối với các hộp kỹ thuật. Vị trí số (3) cách vị trí số (2) 40cm về hướng bắc là vị trí hộp kỹ thuật nơi H cắt các dây thoát sét được nối từ các thiết bị với nhau.

Tại trạm BTS thuộc thôn A, xã A (bị trộm cắp ngày 20/7/2021): Vị trí số (1) là cột phát sóng nơi H cắt các dây tiếp đất của trạm. Vị trí số (2) là mặt ngoài cửa ra vào nơi H cắt khóa cửa trạm. Vị trí số (3) giáp tường hướng đông nam và

tây bắc là vị trí H và cắt các dây tiếp đất của trạm. Vị trí số (4) cách vị trí số (3) 1,4m về hướng tây bắc là hộp kỹ thuật, nơi H cắt các dây nguồn nối với các thiết bị. Vị trí số (5) giáp tường hướng đông bắc và tây bắc là nơi H cắt các dây thoát sét của các thiết bị.

Tại trạm BTS thuộc thôn T, xã N (bị trộm cắp ngày 22/8/2021): Vị trí số (1) là cột phát sóng nơi H cắt dây nguồn và dây tiếp đất. Vị trí số (2) là mép cửa ra vào là vị trí H cắt khóa cửa trạm. Vị trí số (3) giáp mép tường hướng nam và hướng tây là vị trí H cắt dây tiếp đất nối với các thiết bị. Vị trí số (4) tại hộp kỹ thuật đặt giáp tường là vị trí H cắt các dây nguồn được nối từ bình ắc quy đến các thiết bị. Vị trí số (5) cách tường hướng đông và hướng nam 0,2m là vị trí H cắt các dây thoát sét của thiết bị.

Tại phiên tòa, đại diện của Tổng Công ty Cổ phần Công trình V trình bày việc các trạm BTS bị kẻ gian trộm cắp như biên bản khám nghiệm hiện trường đã nêu và có nội dung: Hệ thống dây tiếp địa bị cắt trộm như sau:

Ngày 12/7/2021 tại trạm BTS YBI 0477 thuộc xã Y bị mất trộm: 06 bộ đầu dây đất cho vỏ Feeder 7/8'', 87m dây đồng bọc PVC M25, 7m dây đồng bọc PVC M35, 15m dây đồng bọc PVC M16;

Ngày 20/7/2021 tại trạm BTS YBI 0516 thuộc xã A bị mất trộm: 06 bộ đầu dây đất cho vỏ Feeder 7/8'', 44m dây đồng bọc PVC M25, 7m dây đồng bọc PVC M35, 120m dây đồng bọc PVC M16;

Ngày 22/8/2021 tại trạm BTS YBI 0328 thuộc xã N bị mất trộm: 20m dây đồng bọc PVC M25, 7m dây đồng bọc PVC M35, 10m dây đồng bọc PVC M16.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường trạm BTS do Công an huyện Văn Yên lập ngày 26/8/2021 thể hiện: Vị trí số (1) là mặt ngoài cửa ra vào, là vị trí H phá khóa để đột nhập vào trạm. Vị trí số (2) được đặt hộp thiết bị là vị trí H cắt các dây nguồn nối với các thiết bị. Vị trí số (3) cách vị trí số (2) 0,7m là vị trí H cắt các dây nối với bộ nguồn và dây thoát sét.

Ngày 26/8/2021, Chi nhánh M tỉnh Yên Bái - Tổng Công ty viễn thông M có báo cáo về việc trạm BTS xã Đ bị kẻ gian đột nhập, trộm cắp số lượng dây tiếp địa gồm: 05m dây lõi đồng M70, 10m dây lõi đồng M50, 15m dây lõi đồng M35, 10m dây lõi đồng M25.

Tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu và có nội dung: Bị cáo rủ H1 đi trộm cắp tài sản 02 lần vào các ngày 12/7/2021 và 22/8/2021, H1 đồng ý và dùng xe mô tô chở bị cáo đến các trạm BTS để trộm cắp, bị cáo trực tiếp phá khóa vào trạm và trèo lên cột cắt dây các loại còn H1 canh giới, cả 02 lần bị cáo và H1 đều vứt bỏ số dây trộm cắp được trên đường bỏ chạy. Ngoài ra bị cáo còn một mình thực hiện 02 lần trộm cắp khác vào ngày 14/7/2021 tại trạm BTS của chi nhánh M ở thôn L, xã Đ và ngày 20/7/2021 tại trạm BTS của chi nhánh V ở thôn A, xã A, sau khi cắt trộm được dây cáp, bị cáo dùng dao gọt hoa quả chuẩn bị sẵn tách lấy lõi đồng bán cho điểm thu mua phế liệu của anh Nguyễn Thiên T 02 lần được tổng số tiền là 2.160.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo H1 khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu và có nội dung: Bị cáo đã tham gia cùng H cắt trộm dây lõi đồng tại 02 trạm BTS của chi nhánh V vào ngày 12/7/2021 và ngày 22/8/2021, cả 02 lần bị cáo đều được H rủ đi trộm cắp. H trực tiếp cắt dây còn bị cáo đứng cảnh giới, cả 02 lần bị cáo và H đều vứt lại số dây cắt trộm được trên đường bỏ chạy.

Người làm chứng Nguyễn Mạnh T tại phiên tòa và người làm chứng Hàng Seo L tại Cơ quan Điều tra đều khai có nội dung: Khoảng 21 giờ 46 phút ngày 22/8/2021, nhận được cảnh báo của hệ thống là trạm BTS YBI 0328 đặt tại xã N đang có kẻ gian đột nhập nên anh Nguyễn Mạnh T (kỹ thuật viên) đã gọi cho ông Hàng Seo L chủ nhà địa điểm đặt trạm phát sóng lên kiểm tra. Ông L kiểm tra phát hiện trạm đã bị kẻ gian đột nhập cắt trộm dây tiếp địa nên đã gọi lại thông báo. Sau đó anh T lên cơ quan công an trình báo. Ngoài ra trong các ngày 12/7/2021 và ngày 20/7/2021 anh T cũng đều nhận được cảnh báo trạm BTS bị xâm nhập trái phép, tuy nhiên khi lên kiểm tra các đối tượng trộm cắp đều đã bỏ trốn.

Tại cơ quan điều tra, người làm chứng Trần Đại N khai có nội dung ngày 14/7/2021 anh phát hiện trạm BTS của chi nhánh M thuộc thôn 2 xã Đ bị mất trộm một số tài sản như báo cáo của Tổng công ty M.

Tại cơ quan điều tra, người làm chứng Nguyễn Thiên T chủ cơ sở thu mua phế liệu tại xã A khai có 02 lần anh thu mua dây lõi đồng của 01 nam thanh niên khoảng 30 tuổi, cao khoảng 1,7m anh không quen biết, lần thứ nhất là vào khoảng giữa tháng 7/2021 với giá 960.000 đồng, lần thứ hai khoảng cuối tháng 7/2021 với giá 1.200.000 đồng. Anh hoàn toàn không biết số dây mua được đó là do phạm tội mà có.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 20/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Yên xác định: Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại tại các trạm BTS của 02 nhà mạng V và M (không xác định giá trị đối với 12 bộ đầu dây đất cho vỏ Feeder 7/8) là 22.328.300 đồng, cụ thể thiệt hại:

Tại Trạm BTS V xã Y vào ngày 12/7/2021 là 7.050.100 đồng;

Tại Trạm BTS M xã Đ vào ngày 14/7/2021 là 4.171.000 đồng;

Tại Trạm BTS V xã A vào ngày 20/7/2021 là 8.714.200 đồng.

Tại Trạm BTS V xã N vào ngày 22/8/2021 là 2.393.000 đồng;

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 19/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Yên xác định: 06 bộ đầu dây đất cho vỏ Feeder 7/8'' bị trộm cắp vào ngày 12/7/2021 tại Trạm BTS xã Y và 06 bộ đầu dây đất cho vỏ Feeder 7/8'' bị trộm cắp ngày 20/7/2021 tại Trạm BTS xã A có giá trị là 64.800 đồng/06 bộ.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Tổng Công ty Cổ phần Công trình V; và trong đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Tổng Công ty Viễn thông M đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo kết quả định giá.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị S khai rằng chiếc xe mô tô BKS 21E1- 456.70 được mua từ năm 2020, đứng tên Hoàng Văn H1 là tài sản riêng của chị do toàn bộ tiền trả góp

hàng tháng mua xe đều từ tiền làm thuê của chị, khi H1 tự ý lấy xe đi trộm cắp tài sản chị không hề biết.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 09 tháng 12 năm 2021, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22 truy tố các bị cáo H và H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh, điều luật như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo; đồng thời phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của các bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r (người phạm tội tự thú), ý 1 điểm s (người phạm tội thành khẩn khai báo) khoản 1 Điều 51; điểm h (tái phạm), g (phạm tội 02 lần trở lên) khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo H 18 tháng đến 24 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, điểm s (người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo H1 12 tháng đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung do các bị cáo không có tài sản cá nhân, hình phạt chính áp dụng là hình phạt tù.

- Về bồi thường thiệt hại: Thiệt hại tại 02 trạm BTS: YBI 0477 và YBI 0328 của Tổng Công ty Cổ phần công trình V có tổng trị giá là 9.507.900 đồng. Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS, khoản 1 các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự (BLDS) buộc bị cáo H phải bồi thường 60% số tiền = 5.704.740 đồng, bị cáo H1 phải bồi thường 40% số tiền = 3.803.160 đồng.

Buộc bị cáo H bồi thường cho Tổng Công ty M số tiền là 4.171.000 đồng, bồi thường cho Tổng Công ty Cổ phần công trình V số tiền là 8.779.000 đồng đối với thiệt hại tại 02 trạm phát sóng mà H một mình trộm cắp.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 bao tải màu vàng cam; 07 cuộn dây lõi đồng có trọng lượng 07 kg.

Đối với xe mô tô BKS 21E1-456.70 là phương tiện H1 dùng vào việc phạm tội; đây là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng H, S, khi H1 sử dụng xe mô tô BKS 21E1-45670 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chưa được sự đồng ý của chị S. Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 1/2 giá trị xe mô tô BKS 21E1- 456.70; 1/2 giá trị xe mô tô BKS 21E1-456.70 trả lại cho chị S.

- Về án phí: 02 Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS và án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, 02 bị cáo đều rất hối hận về hành vi phạm tội đã gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của các Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX thấy các hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong vụ án đều được thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, những người làm chứng, các biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở nhận định: Để có tiền chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng; lợi dụng buổi trưa và đêm tối vắng người qua lại, các trạm BTS đặt xa khu dân cư, không có người trông coi nên H và H1 đã nảy sinh ý định và rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Trong thời gian từ ngày 12/7/2021 đến ngày 22/8/2021, H đã 02 lần cùng H1 lén lút chiếm đoạt tổng cộng: 06 bộ đầu dây đất cho vỏ feeder 7/8'', 25m dây tiếp địa M16, 107m dây tiếp địa M25, 14m dây tiếp địa M35 tại các trạm BTS: YBI 0477 và YBI 0328 của Tổng công ty Cổ phần Công trình V. Tổng số tài sản H và H1 cùng chiếm đoạt trị giá 9.507.900 đồng.

Ngoài ra H còn tự mình 02 lần trộm cắp dây tiếp địa tại các trạm BTS YBI 0516 của chi nhánh V và trạm BTS tại xã Đ của chi nhánh M với tổng cộng: 06 bộ đầu dây đất cho vỏ feeder 7/8'', 120m dây tiếp địa M16, 54m dây tiếp địa M25, 22m dây tiếp địa M35, 10m dây tiếp địa M50, 05m dây tiếp địa M70. Tổng số tài sản bị cáo H đã chiếm đoạt trong 02 lần này của Tổng công ty Cổ phần Công trình V trị giá 8.779.000 đồng và của Tổng Công ty M trị giá 4.171.000 đồng. Sau mỗi lần trộm cắp, H đều mang số dây chiếm đoạt được đi bóc vỏ lấy lõi đồng và bán cho anh Nguyễn Thiên T làm nghề thu mua phế liệu được tổng cộng 2.160.000đ.

Hành vi đó của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn; xong đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của Nhà nước giao cho Quân đội và tổ chức quản lý, được pháp luật bảo vệ nên cần thiết phải đưa các bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Xem xét toàn diện vụ án, HĐXX thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trước khi thực hiện tội phạm, các bị cáo không có sự bàn bạc, trao đổi trước về phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm. Vai trò của từng bị cáo cụ thể như sau:

H là người khởi xướng việc đi cắt trộm dây tiếp địa tại các trạm BTS. H đã có hành vi dùng kim cộng lực phá khóa nhà trạm, trèo lên cột và vào trạm cắt các dây tiếp địa rồi cùng H1 gom dây cáp trộm cắp được mang đi tách lõi đồng để tiêu thụ. Ngoài ra có 02 lần H tự mình thực hiện hành vi trộm cắp. Do vậy, H là người thực hành tích cực nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án;

Đối với H1, khi nghe H rủ đi trộm cắp tài sản, H1 đã đồng ý ngay và dùng xe mô tô của mình chở H đến trạm BTS và cảnh giới cho H cắt trộm dây tiếp địa. Khi cắt trộm được dây xong, H1 đã cùng H tách vỏ dây để lấy lõi đồng và dùng xe mô tô của mình chở H và dây đi tiêu thụ, khi bị công an truy đuổi đã chở H bỏ chạy tẩu thoát. Do đó, H1 cũng là người thực hành trong vụ án chịu trách nhiệm thứ hai sau H.

Các bị cáo là đồng phạm trong vụ án nên khi Quyết định hình phạt, HĐXX sẽ căn cứ Điều 17, Điều 58 BLHS để xử lý.

[4] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của 02 bị cáo, HĐXX thấy:

Bị cáo H đã 04 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo H1 đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; chưa có lần nào bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS. Do đó, 02 bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Ngày 27/6/2018 bị cáo H bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 19/4/2020, đến ngày 12/7/2021 lại tiếp tục phạm tội mới, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 BLHS thì bị cáo thuộc trường hợp chưa được xóa án tích, do đó bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, 02 bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tuy sau khi bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản ngày 22/8/2021, 02 bị cáo mới khai ra các lần trộm cắp tài sản tại các trạm BTS khác trên địa bàn huyện V; trước đó cơ quan công an cũng đã tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm xảy ra tại các trạm BTS này; nhưng thời điểm các bị cáo tự khai, cơ quan công an chưa biết được 02 bị cáo là người thực hiện hành vi phạm tội. Do đó 02 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào mục đích của hình phạt cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, HĐXX thấy 02 bị cáo có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy, có 01 tiền sự (ngày 27/8/2021 bị Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, hiện chưa thực hiện nộp phạt), phạm tội nhiều lần nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục 02 bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét bản thân các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hình phạt chính áp dụng là hình phạt tù, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 02 bị cáo.

[5] Trong vụ án này, anh Nguyễn Thiên T 02 lần mua dây đồng của bị cáo H nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

Thiệt hại tại 02 trạm BTS của Tổng Công ty Cổ phần Công trình V đặt tại xã Y và xã N là do hành vi phạm tội của 02 bị cáo gây ra nên 02 bị cáo phải liên đới bồi thường đối với thiệt hại tại hai trạm BTS này. Xét mức độ lỗi của các bị cáo, HĐXX xác định bị cáo H phải chịu trách nhiệm bồi thường 60% thiệt hại, Bị cáo H1 phải chịu trách nhiệm bồi thường 40% thiệt hại. Đối với thiệt hại tại trạm BTS YBI 0516 đặt tại xã A của Tổng Công ty Cổ phần Công trình V và trạm BTS của Tổng Công ty Viễn thông M là do một mình bị cáo H gây ra nên H phải chịu trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong vụ án là phù hợp.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 BLDS, buộc bị cáo H và H1 phải liên đới bồi thường cho bị hại Tổng Công ty Cổ phần Công trình V thiệt hại tại 02 trạm BTS đặt tại xã Y và xã N. Tổng số thiệt hại tại 02 trạm BTS mà 02 bị cáo H và H1 có trách nhiệm liên đới bồi thường là 9.507.900 đồng. Trong đó, bị cáo H phải bồi thường 5.704.740 đồng; bị cáo H1 phải bồi thường 3.803.160 đồng;

Buộc bị cáo H phải Bồi thường cho Tổng Công ty Cổ phần Công trình V số tiền 8.779.000 đồng đối với thiệt hại tại trạm BTS đặt tại xã A; như vậy tổng số tiền bị cáo H phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Công trình V là 14.483.740 đồng. Buộc bị cáo H phải bồi thường cho Tổng Công ty Viễn thông M số tiền là 4.171.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với số dây tiếp địa các bị cáo đã vứt trên đường bỏ chạy vào lần trộm cắp tài sản ngày 12/7/2021, chiếc kìm, con dao được sử dụng để phá khóa nhà trạm cắt dây, tách lõi đồng, do cơ quan điều tra không thu giữ được nên HĐXX không đặt ra vấn đề xử lý.

Đối với các vật chứng là 01 bao tải màu vàng cam không còn giá trị sử dụng; 07 kg dây lõi đồng không sử dụng được và chủ sở hữu là Tổng Công ty cổ phần công trình V có ý kiến không nhận lại nên căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu, tiêu hủy;

Đối với chiếc xe mô tô BKS 21E1-41591 bị cáo H sử dụng để đi tới trạm BTS trộm cắp tài sản, vận chuyển dây lõi đồng trộm cắp được mang đi bán và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 21E1- 456.70 bị cáo H1 sử dụng để chở H tới các trạm BTS trộm cắp tài sản, vận chuyển tài sản trộm cắp được và tẩu thoát là phương tiện phạm tội. Tuy nhiên đối với xe mô tô BKS 21E1- 415.91, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là ông Hoàng Văn V không

biết H mượn xe mô tô của mình đi trộm cắp tài sản, nên Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 1 các Tổ chức sự nghiệp - Bộ Quốc phòng đã xử lý trả lại chiếc xe mô tô cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật, HĐXX không xem xét lại.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 21E1-456.70 mang tên H1, H1 có vợ là chị S và hiện nay hôn nhân vẫn đang tồn tại; khoản 2 Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất*”. H1 sử dụng chiếc xe mô tô BKS 21E1-456.70 (là tài sản chung hợp nhất) làm phương tiện phạm tội, do đó, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, xét thấy cần tịch thu $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị chiếc xe này để nộp ngân sách Nhà nước.

Trước khi mở phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị S đã có đơn trình bày và tại phiên tòa chị khai rằng chiếc xe mô tô BKS 21E1-456.70 là tài sản riêng của chị, được mua trả góp năm 2020 bằng tiền làm thuê của chị. Đối với 02 lần bị cáo sử dụng chiếc xe để đi trộm cắp tài sản chị S đều không biết. Tuy nhiên chị S không có giấy tờ hay tài liệu gì chứng minh cho nội dung trình bày của mình. Qua lời khai của bị cáo H1 và chị S tại phiên tòa thể hiện, chiếc xe được mua trả góp trong vòng 12 tháng từ khoảng tháng 3 năm 2020, trong khi đó thời gian từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021 (thời điểm mua trả góp chiếc xe) bị cáo H1 đi làm ở xa, mỗi tháng có gửi về cho chị S khoảng 5.000.000 đồng để chi tiêu cho gia đình, nên H1 cũng có đóng góp vào khối tài sản chung của vợ chồng bao gồm cả chiếc xe mô tô BKS 21E1-456.70. Đồng thời H1 cũng là người đứng tên chủ sở hữu hợp pháp nên có toàn quyền định đoạt đối với chiếc xe mô tô BKS 21E1-456.70. Chính vì vậy, HĐXX không nhất trí với ý kiến của chị S cho rằng chiếc xe mô tô BKS 21E1-456.70 là tài sản riêng của chị, ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở.

Đối với 03 đĩa CD-R chứa file ghi âm lời khai của 02 bị cáo H và H1 là phương tiện điện tử chứa dữ liệu điện tử là nguồn của chứng cứ nên được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[8] Theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 02 bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường là: Bị cáo H (14.483.740 đồng + 4.171.000 đồng) x 5% = 932.737 đồng; bị cáo H1 3.803.160 đồng = 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố 02 bị cáo H và H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS, xử phạt H 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (27/8/2021).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS, xử phạt H1 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (27/8/2021).

2. Về bồi thường thiệt hại

Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 BLDS:

Buộc bị cáo H và bị cáo H1 phải liên đới bồi thường cho bị hại Tổng Công ty Cổ phần Công trình V tổng số tiền là 9.507.900 (chín triệu, năm trăm linh bảy nghìn, chín trăm) đồng. Trong đó, bị cáo H phải bồi thường 5.704.740 (năm triệu, bảy trăm linh bảy nghìn, bảy trăm bốn mươi) đồng; bị cáo H1 phải bồi thường 3.803.160 (ba triệu, tám trăm linh ba nghìn, một trăm sáu mươi) đồng.

Buộc bị cáo H phải Bồi thường cho Tổng Công ty Cổ phần Công trình V số tiền là 8.779.000 (tám triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn) đồng; bồi thường cho Tổng Công ty Viễn thông M số tiền là 4.171.000 (bốn triệu, một trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 bao tải màu vàng cam và 07 cuộn dây đồng.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ (một phần hai) và trả lại cho chị S $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 21E1- 45670.

(Các vật chứng có đặc điểm như Quyết định chuyển vật chứng số 02/QĐ-VKS ngày 09/12/2021 của Viện Kiểm sát quân sự Khu vực 22 cho Phòng Thi hành án Quân khu 2).

4. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, các bị cáo H và H1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo H phải nộp 932.737 (chín trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi bảy) đồng và bị cáo H1 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/02/2022) đối với bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 2./.

Nơi nhận:

- TAQSTW;
- TAQSQK2;
- VKSQSQK2;
- VKSQSKV22;
- TTGQK2;
- CQĐTHSKV1- Các TCSN-BQP;
- CQTHAHSQK2;
- Phòng THAQK2;
- 02 bị cáo;
- 02 bị hại;
- NCQLNVLQĐVA ;
- Lưu: THAHS, HSVA; V13.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

4/ Nguyễn Thế Vinh

